

Quan điểm Hồ Chí Minh về mặt trận văn hoá thời kỳ 1945-1954

Nguyễn Thị Thuý Hằng*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 28 tháng 6 năm 2009

Tóm tắt. Quan điểm Hồ Chí Minh về mặt trận văn hoá đã ảnh hưởng đậm nét đến việc xây dựng đời sống văn hoá Việt Nam 1945-1954. Trong công cuộc *Kháng chiến, kiến quốc* của một quốc gia vừa giành được chính quyền lại bước vào cuộc chiến tranh để giữ gìn chính quyền cách mạng non trẻ, cả dân tộc đã thực hành khẩu hiệu “*Kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến*” của Người.

Trong bài viết này, tôi muốn làm rõ quan điểm Hồ Chí Minh: Văn hoá là một mặt trận, người hoạt động văn hoá là chiến sĩ trên mặt trận đó; văn hoá phục vụ chính trị, phục vụ kháng chiến và cách mạng. Đồng thời, cũng chỉ ra giá trị lý luận và thực tiễn của quan điểm Hồ Chí Minh về mặt trận văn hoá đối với đời sống văn hoá Việt Nam 1945-1954: tư tưởng Hồ Chí Minh là cơ sở cho đường lối văn hoá của Đảng Cộng sản Việt Nam và văn hoá Việt Nam phục vụ kháng chiến dưới ánh sáng tư tưởng của Người (khảo sát một số khía cạnh: giáo dục, văn học và đời sống mới).

Cách mạng tháng Tám thành công (1945) đã đưa đất nước ta sang một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên Độc lập, Tự do với sự khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nhưng ngay sau đó, thực dân Pháp đã quay trở lại gây hấn ở Nam Bộ (23-9-1945). Khi những biện pháp ngoại giao và chính trị không còn hiệu lực hoà hoãn, cả dân tộc đã đứng dậy cầm súng theo Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946). Lịch sử Việt Nam trong suốt 9 năm (1945-1954) là lịch sử kháng chiến và kiến quốc. Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chí tịch đã thực hiện một cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện để giữ

vững nền Độc lập, chủ quyền. Văn hoá thực sự đã được coi là một mặt trận trong cuộc đấu tranh giải phóng đất nước, xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, khẩu hiệu “*Kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến*”⁽¹⁾ của Chủ tịch Hồ Chí Minh được phổ biến rộng rãi. Và quan điểm của Người về mặt trận văn hoá đã ảnh hưởng đậm nét đến việc xây dựng nền văn hoá mới Việt Nam 1945-1954.

Trước hết nói về khái niệm *văn hoá* theo cách hiểu của Hồ Chí Minh.

*ĐT: 84-4-38588173
E-mail: ngthuyhangna@yahoo.com

⁽¹⁾ Trong Báo cáo “Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam” đọc tại Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ hai, tháng 7-1948, Trường Chinh đã dẫn lại câu nói này và chú thích là Lời Hồ Chí tịch.

Từ năm 1943, trong trang cuối của bản thảo *Nhật ký trong tù*, Hồ Chí Minh đã từng ghi lại một cách hiểu của mình về văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về ăn, mặc, ở và phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”[2]. Ở đây, Người đã quan niệm văn hóa là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra, mang dấu ấn trình độ văn minh và bản sắc của dân tộc. Một khái niệm văn hóa theo nghĩa rộng.

Trong một số trường hợp khác, hai chữ *văn hóa* lại được hiểu là tri thức, trình độ học vấn: “Với những cán bộ còn kém văn hoá, thì việc huấn luyện này rất trọng yếu. Trước hết phải dạy cho họ những thường thức: lịch sử, địa dư, làm tính, khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, cách viết báo cáo, nghĩa vụ và quyền lợi người công dân”[3].

Nhưng có thể nói, cách hiểu được Người sử dụng thường xuyên nhất là văn hóa như một lĩnh vực của đời sống xã hội, một kiến trúc thượng tầng. Trong quan điểm của Hồ Chí Minh về mặt trận văn hóa thời kỳ 1945-1954, khái niệm văn hóa thường được Người sử dụng theo nghĩa này. Thuộc về đời sống tinh thần của xã hội, nhưng một khi đã đi sâu vào đại chúng, văn hóa cũng có tác động như một sức mạnh vật chất.

Vậy như thế nào là mặt trận và mặt trận văn hoá?

Khái niệm *mặt trận* thường được hiểu theo mấy nghĩa: là nơi xảy ra chiến sự, là tổ chức tập hợp nhiều lực lượng chính trị xã hội cùng phần đầu cho mục đích chung, ví dụ như Mặt trận

Việt Minh; là lĩnh vực đấu tranh, như mặt trận văn hóa, mặt trận ngoại giao v.v..

Nói đến *mặt trận văn hóa* là xác định vai trò và vị trí của văn hóa trong sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới, khẳng định hoạt động văn hóa cũng có tầm quan trọng như các mặt trận kinh tế, quân sự v.v.. *Mặt trận văn hóa* là cuộc đấu tranh cách mạng trên lĩnh vực văn hóa, hay nói cách khác là cuộc cách mạng văn hóa-tư tưởng.

Năm 1949, trong *Thư gửi Lớp học viết báo Huỳnh Thúc Kháng*, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Lớp này là lớp học viết báo đầu tiên, tôi mong các chú và các cô, thi đua nhau học và hành cho xứng đáng là những người tiên phong trên mặt trận báo chí” [3].

Trong *Thư gửi các học sĩ nhân dịp triển lãm hội họa 1951*, Người chỉ rõ: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy” [4].

Sau này, trong *Thư gửi các cán bộ giáo dục học sinh, sinh viên các trường và các lớp bỏ thư văn hóa*, Người cũng nhấn mạnh: “Văn hóa giáo dục là một mặt trận quan trọng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà” [5].

Như vậy là từng lĩnh vực cụ thể của văn hóa: báo chí, nghệ thuật, giáo dục v.v.. đều được Hồ Chí Minh nhấn mạnh với tư cách là những mặt trận. Khái quát lại, có thể khẳng định quan điểm “Văn hóa là một mặt trận, người làm văn hóa là những chiến sĩ trên mặt trận ấy” của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Việc dùng văn hoá như một mặt trận của Hồ Chí Minh chính là sự tiếp nối truyền thống tốt đẹp của cha ông - các nhà văn hóa đã biết dùng văn đánh giặc, từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu cho đến các nhà yêu nước về sau. Nguyễn Đình Chiểu đã từng nêu mục đích văn chương của mình:

“Chở bao nhiêu đạo, thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian, bút chẳng tà”

Hay Phan Bội Châu trong những câu thơ
viếng Phan Châu Trinh đã viết:

“*Ba tác lười mà gươm mà sáng*”

Một ngòi lòng vừa trong, vừa chiêng”

Thiếu thời, Nguyễn Sinh Cung rất thích hai
câu thơ của Viên Mai:

“*Mỗi phan bất vong duy trúc bạch*

Lập thân tôi hạ thị văn chương”

Nước mắt, vẫn để day dứt nhất đối với
Người là cứu nước chứ không phải là văn
chương. Người đặt sự nghiệp cứu nước cao hơn
sự nghiệp văn chương, và văn chương, theo
Người, là để góp phần cứu nước [6].

Ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX,
Nguyễn Ái Quốc đã đấu tranh một cách mạnh
mẽ trên lĩnh vực văn hoá. Trong các tác phẩm
báo chí đăng trên *Le Paria*, các báo của giai cấp
công nhân và Đảng Cộng sản Pháp, trên các tạp
chí của Quốc tế Cộng sản, và đặc biệt là tác
phẩm *Bàn án chế độ thực dân Pháp*, Người đã
dùng ngòi bút của mình vạch trần thực chất cái
gọi là “khai hóa, văn minh” của thực dân Pháp
đối với các dân tộc thuộc địa; lên án gay gắt
việc chúng chà đạp lên nền văn hóa cổ truyền,
thuần phong mỹ tục của dân tộc Việt Nam; phê
phán tình trạng bị áp bức và đầu độc về văn hóa
dưới chế độ thực dân Pháp. Nguyễn Ái Quốc đã
sử dụng ngòi bút của mình thực sự như một vũ
khí đấu tranh không thỏa hiệp với chủ nghĩa
thực dân, đế quốc, cổ vũ cho thắng lợi tất yếu
của sự nghiệp đấu tranh của nhân dân các nước
thuộc địa và phụ thuộc.

Nhưng phải đến cuộc kháng chiến chống
Pháp, khi cả dân tộc thực hiện cuộc kháng chiến
toàn dân, toàn diện, thì quan điểm “văn hoá là
một mặt trận” mới được phát biểu một cách
chính thức. Văn hoá lúc này thực sự là một mặt
trận đấu tranh, cũng quan trọng như các lĩnh
vực chính trị, quân sự, kinh tế v.v.. Trong *Thư*
gửi Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai, Hồ
Chí Minh đã khẳng định: “Trong sự nghiệp vĩ

đại kháng chiến kiến quốc của dân tộc ta, văn
hóa giành một phần rất quan trọng (...) chúng ta
cần phải xây đắp một nền văn hóa kháng chiến
kiến quốc của toàn dân” [3].

Tính chất của cuộc cách mạng văn hóa khác
với cách mạng chính trị, quân sự. Nếu như văn
đề cơ bản của cuộc cách mạng chính trị là giành
chính quyền thì cách mạng văn hóa là cuộc đấu
tranh lâu dài, gian khổ, phức tạp trong suốt tiến
trình cách mạng từ lúc chưa có chính quyền,
đến khi giành được chính quyền, kháng chiến
và kiến quốc.

Chu tịch Hồ Chí Minh trong bài nói chuyện
*Thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí,
chống bệnh quan liêu* đã khẳng định: “chống
tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan
trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt
trận. *Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị*” [4].
Chống tham ô, lãng phí và quan liêu là một
phần nội dung của mặt trận tư tưởng và chính trị,
cũng chính là một bộ phận của mặt trận văn hóa.

Nội dung của mặt trận văn hóa chính là sự
đấu tranh chống lại những gì phản văn hóa,
cuộc đấu tranh giữa tính cách mạng và phản
động, tiên tiến và lạc hậu, đấu tranh để làm cho
thế giới quan Mác-Lênin chiếm vai trò chủ đạo
trong đời sống tinh thần của xã hội. Cuộc đấu
tranh đó cũng quy mô, quyết liệt và căng thẳng
không kém gì sự tranh đấu trên mặt trận chính
trị, quân sự, thậm chí có khi còn vất vả và dai
dẳng hơn. Bởi đã nói đến mặt trận là nói đến
những lực lượng đối lập, nói đến sự đấu tranh
nhưng đấu tranh trên lĩnh vực văn hóa lại là vấn
đề nhạy cảm. Có những kẻ địch chống phá từ
bên ngoài, nhưng cũng có những tư tưởng
chống đối từ trong chính nội bộ của chúng ta,
những thói quen và truyền thống lạc hậu, chủ
nghĩa cá nhân trong mỗi con người.... Đấu tranh
trên mặt trận văn hóa cần một quá trình cải tạo,
sửa đổi một cách cần thận, chịu khó, lâu dài.

Nói đến “mặt trận văn hóa”, tất yếu không
thể không nhắc đến vai trò của những “chiến sĩ”

trên mặt trận đó. Hồ Chí Minh gọi văn hóa là một mặt trận cũng là để xác định tinh thần chiến sĩ của những người hoạt động trong lĩnh vực này.

Ngay từ năm 1943, trong *Nhật ký trong tù*, Người đã nêu lên yêu cầu chất thép của thơ ca cách mạng và sứ mệnh chiến đấu của nhà thơ:

“Ngay ở trong thơ nên có thép

Nhà thơ cũng phải biết xung phong”

Sau này, trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp, Hồ Chí Minh đều đòi hỏi tinh thần và phẩm chất chiến sĩ của những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, dù đó là nhà giáo, nhà văn, nhà thơ, họa sĩ hay nhà báo v.v.. Người cũng đã thấy và ghi nhận trọng trách lớn lao cũng như đóng góp thầm lặng của những người hoạt động trên lĩnh vực này.

Trong *Thư gửi anh chị em giáo viên bình dân học vụ*, Hồ Chí Minh viết: “Anh chị em là đời tiên phong trong sự nghiệp số 2 đó⁽²⁾. Anh chị em chịu cực khổ khó nhọc, hy sinh phần đầu, để mở mang tri thức phổ thông cho đồng bào, để xây đắp nền văn hóa sơ bộ cho dân tộc. Anh chị em làm việc mà không có lương bổng, thành công mà không có tiếng tăm. Anh chị em là những người “vô danh anh hùng”. Tuy vô danh nhưng rất hữu ích. Một phần tương lai của dân tộc nước nhà nằm trong sự cố gắng của anh chị em”[7]. Người hy vọng những chiến sĩ trên mặt trận xóa mù chữ, các giáo viên bình dân học vụ, sẽ làm được một điều vẻ vang mà không một tương đồng, bia đá nào bằng, là đồng bào ta ai cũng biết đọc, biết viết.

Thư Gửi anh em văn hóa và trí thức Nam Bộ, thêm một lần nữa Người khẳng định vai trò của những chiến sĩ văn hóa-tư tưởng: “Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà, mà anh em văn hóa và trí thức phải làm cũng như là những chiến sĩ

anh dũng trong công cuộc kháng chiến để tranh lại quyền thống nhất và độc lập cho Tổ quốc” [3].

Tinh thần chiến sĩ của những người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa là tinh thần dũng cảm, kiên cường, dám đấu tranh chống lại cái sai, cái ác, cái xấu, cái giả dối, lừa lọc... để bảo vệ cái đúng, cái tốt, cái đẹp; đối mặt với kẻ thù, đứng về phía nhân dân.

Tinh thần chiến sĩ cũng chính là tinh thần phụng sự cách mạng, phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân một cách chân thành và tự nguyện, dám hy sinh những lợi ích của bản thân vì lợi ích chung của cả dân tộc.

Đó cũng là tinh thần bền gan, quyết chí “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”.

Để thực sự trở thành những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, người hoạt động trên lĩnh vực này cần có lập trường vững, tư tưởng đúng, nói tóm tắt là phải đặt lợi ích của kháng chiến, của Tổ quốc, của nhân dân lên hết, trước hết. Không có lập trường, tư tưởng vững, không biết đặt lợi ích riêng dưới lợi ích chung, người cán bộ văn hóa khó tránh khỏi những dao động, hoang mang; khó có thể cống hiến và đi đến tận cùng con đường đã lựa chọn. Bởi văn hóa là lĩnh vực của sự sáng tạo, của tư duy và óc tưởng tượng, nên sức mạnh của văn hóa là sức mạnh của sự lan tỏa, nghiêng nhiều về sự vận động, thuyết phục hơn là cưỡng chế, ép buộc. Nếu ý thức được vai trò và sứ mệnh của mình, các nhà hoạt động văn hóa có thể đóng góp to lớn vào công cuộc kháng chiến kiến quốc của dân tộc.

Mặt trận văn hóa trong thời kỳ kháng chiến có đặc trưng riêng, không giống như mặt trận văn hóa thời kỳ đấu tranh giành tự do độc lập, càng không giống thời kỳ hòa bình xây dựng đất nước. Đặc trưng cơ bản của thời kỳ 1945-1954 là cả nước “Kháng chiến và kiến quốc”. Vì vậy, mặt trận văn hóa cũng phải tập trung

⁽²⁾ Sự nghiệp chống nạn mù chữ

cho nhiệm vụ này. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Nhiệm vụ của văn hóa chẳng những đề cổ động tinh thần và lực lượng kháng chiến kiến quốc của quốc dân, mà cũng phải nêu rõ những thành tích kháng chiến kiến quốc vĩ đại của ta cho thế giới. Các nhà văn hóa ta phải có những tác phẩm xứng đáng, chẳng những để biểu dương sự nghiệp kháng chiến kiến quốc bấy giờ, mà còn để lưu truyền cái lịch sử oanh liệt kháng chiến kiến quốc cho hậu thế” [3].

Như vậy, nhiệm vụ văn hóa trong thời kỳ kháng chiến là vô cùng to lớn, trên cả hai phạm vi không gian và thời gian. Về phạm vi không gian, không chỉ đề cổ động tinh thần và lực lượng của nhân dân ta, văn hóa còn phải mở rộng việc tuyên truyền giới thiệu thành tích kháng chiến của ta cho thế giới. Về thời gian, văn hóa không chỉ giới hạn trong không gian hiện tại mà phải giới thiệu với tương lai, với hậu thế sự nghiệp kháng chiến vẻ vang hôm nay.

Văn hóa có làm tròn trách nhiệm của mình hay không, phụ thuộc chính vào những chiến sĩ văn hóa. Chiến sĩ văn hóa phải có bản lĩnh, trí tuệ, đạo đức cách mạng, chuyên môn nghiệp vụ để tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh cách mạng, chống mọi kẻ thù. Thời kỳ 1945-1954, khi cả nước dồn sức cho cuộc kháng chiến kiến quốc, cán bộ văn hóa càng phải là những chiến sĩ anh dũng trong công cuộc kháng chiến để tranh lại quyền thống nhất và độc lập cho Tổ quốc. Ý nghĩa của hai chữ “mặt trận” trước hết là cuộc “đấu bư” với kẻ địch. Và chính Hồ Chí Minh đã là chiến sĩ tiên phong trên mặt trận này. Người đặc biệt chú ý đến mưu đồ xâm lược bằng văn hoá, văn nghệ của bọn thực dân, đế quốc và chỉ thị “phải phá tan âm mưu xâm lược bằng văn hoá của chúng” trong cuộc chiến tranh “về mặt tinh thần”. Người vạch rõ âm mưu thâm độc của địch “ta sức *xâm lược văn hoá* để hủ hoá và gieo rắc bệnh phục Mỹ, tìn Mỹ, sơ Mỹ vào nhân dân” và coi đó là một điều mà cán bộ giáo dục và tuyên truyền ta phải đặc

biệt chú ý và ra sức chống lại. Chỉ trong hai năm 1951-1952, Hồ Chí Minh đã viết hơn 10 bài về âm mưu xâm lược văn hoá của đế quốc Mỹ.

Lĩnh vực văn hoá là một *mặt trận* với cuộc đấu tranh ác liệt giữa ta và địch. Bởi kẻ thù chưa bao giờ buông lòng địa hạt này, và cũng bởi tính chất dễ đi sâu, gắn chặt vào tư tưởng, tình cảm con người của công tác văn hoá-văn nghệ. Nhưng văn hoá không chỉ là thứ vũ khí “bút chiến” với kẻ thù mà còn để đấu tranh với chính những thói hư tật xấu của chúng ta, để nhân rõ những khuyết điểm từ đâu mà có và quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm đó. Không chỉ là vũ khí trên mặt trận đấu tranh vì độc lập tự do, giải phóng dân tộc, văn hoá là vũ khí trên mặt trận cải tạo, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quan điểm “Văn hóa là một mặt trận”, hay khẩu hiệu Người nêu ra “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến” đã như lời hiệu triệu thúc giục hàng triệu người Việt Nam tham gia vào mặt trận văn hóa, cũng là tham gia vào cuộc đấu tranh chung của dân tộc, vì độc lập, tự do. Bên cạnh đó, với quan niệm này, Hồ Chí Minh đã có những đóng góp quan trọng trong việc nhấn mạnh hệ tư tưởng của một nền văn hóa, một hệ tư tưởng cách mạng, tiên tiến, tiếp thu truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại. Người hoạt động văn hóa phải chống quan điểm thỏa hiệp, mơ hồ về ranh giới trong hệ tư tưởng văn hóa.

Tuy nhiên, cũng cần chống quan điểm tả khuynh khi nói đến văn hóa cách mạng, cách mạng văn hóa. Ở Trung Quốc, Mao Trạch Đông cũng từng khẳng định văn hóa là một mặt trận: “Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Trung-quốc, chúng ta có nhiều mặt trận, trong đó có thể nói có hai mặt trận văn võ, tức là mặt trận văn hóa và mặt trận quân sự. Muốn thắng kẻ địch, trước hết chúng ta phải nhờ một đội quân có súng trong tay; nhưng nếu chỉ có đội quân ấy thôi thì chưa đủ, ta còn cần phải có đội

quan văn hóa nữa” (*Diễn văn khai mạc Hội nghị văn nghệ ở Diên An* ngày 2-5-1942) [8]. Nhưng quan điểm văn nghệ của Mao Trạch Đông, theo ý kiến đánh giá của nhiều tác giả, là ra đời từ trong bạo lực, cũng như quan niệm “Chính quyền là từ họng súng mà ra”. Hồi ấy, Mao Trạch Đông từng nói: “bất kỳ một hệ tư tưởng mới, một chủ nghĩa mới một khi mới nảy sinh, người ta rất khó tiếp thu, vì con người vốn quen với các chủ nghĩa và hệ tư tưởng cũ. Vì vậy, chúng ta phải noi gương Mahômét, là người một tay cầm kiếm và một tay cầm thánh kinh đạo Hồi, dùng sức mạnh bắt con người phải tin vào niềm tin mới. Trong cuộc vận động chính phong, phải đạt một sức mạnh bất mọi người phải chấp nhận chủ nghĩa Mao Trạch Đông” [9].

Không chỉ về mặt quan điểm, ý thức mà cả về mặt thực tiễn hoạt động văn hoá, Mao Trạch Đông, bên cạnh những điểm tích cực, cũng đã có những đánh giá không thoả đáng với những người hoạt động văn hoá. Ông buộc tội các nhà văn hoá và văn nghệ sĩ đã không hiểu văn hoá văn nghệ phục vụ ai, phục vụ như thế nào, không hiểu vấn đề phê bình và mặt trận thống nhất trong văn nghệ, v.v.. Từ đó, cũng như đối với tất cả các cán bộ đảng viên khác, văn nghệ sĩ phải tiến hành chính phong, nói đúng hơn là phải sám hối [9]. Vậy nên, tìm hiểu quan điểm Hồ Chí Minh cũng như của Đảng ta về mặt trận văn hoá, so sánh với phần “Văn hóa dân chủ mới” và “Toạ đàm văn nghệ ở Diên An” của Mao Trạch Đông, có tác giả (Hà Xuân Trường) đã đánh giá “rõ ràng khác nhau lắm. Khác từ gốc, khác từ mục tiêu đến phương pháp nhận thức. Thực tiễn mấy chục năm qua lại càng làm sáng tỏ những sự khác biệt cơ bản đó. Một đường lối dẫn đến sự phát triển không ngừng của văn nghệ. Một đường lối dẫn đến sự bế tắc và phân bội, đến sự bi thảm của cả một đội ngũ đã được đào luyện từ những năm đầu của cách mạng” [10].

Coi văn hoá là một mặt trận, cả dân tộc đã thực hành khẩu hiệu *Kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Kháng chiến về quân sự, chính trị, kinh tế chưa đủ gọi là toàn diện kháng chiến. Phải kháng chiến về mặt văn hóa nữa. Văn hoá phải gắn với kháng chiến, phục vụ kháng chiến, phục vụ nhiệm vụ chính trị. Đồng thời, kháng chiến giành độc lập, tự do cho Tổ quốc cũng là một sự nghiệp văn hoá - văn hoá chính trị, văn hoá kháng chiến, và phải biến thành một sự nghiệp nhân văn, văn hoá với mục đích chân chính là giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đây thực sự là một quan niệm sâu sắc và độc đáo của Hồ Chí Minh.

Quan điểm Hồ Chí Minh về mặt trận văn hoá thời kỳ 1945-1954 đã trở thành cơ sở nền tảng cho đường lối văn hoá của Đảng trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp. Những chủ trương, quan điểm, chính sách của Đảng về văn hoá trong thời kỳ này đều in đậm dấu ấn tư tưởng Hồ Chí Minh. Điềm qua một số văn bản, chỉ thị của Đảng như *Kháng chiến, kiến quốc* (ngày 25-11-1945), *Kháng chiến nhất định thắng lợi* (Trường Chinh, tháng 9-1947), *Chú nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam* (Trường Chinh, tháng 7-1948), *Báo cáo chính trị* đọc tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng v.v.. đều thấy sự tiếp nối và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về mặt trận văn hoá. Nội dung mà Người nhấn mạnh: văn hoá phục vụ chính trị, “kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến”; văn hoá là một mặt trận, người hoạt động văn hoá là chiến sĩ trên mặt trận đó đã được cụ thể thành quan điểm chỉ đạo về văn hoá của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp.

Nhưng điều có giá trị hơn nữa trong tư tưởng Hồ Chí Minh về mặt trận văn hoá là sự lan toả mạnh mẽ của những tư tưởng đó trong đời sống văn hoá Việt Nam 1945-1954. Có thể nói, văn hoá Việt Nam đã phục vụ kháng chiến dưới ánh sáng tư tưởng của Người.

Trước hết, nói về mặt trận văn hoá giáo dục.

Nền giáo dục Việt Nam trong thời kỳ 1945-1954 đã thực sự phục vụ cho cuộc kháng chiến của dân tộc, kháng chiến bằng văn hoá và văn hoá của kháng chiến. Kháng chiến bằng văn hoá giáo dục, chúng ta đã làm cho dân thoát nạn mù chữ, nâng cao nhận thức và hiểu biết của nhân dân về cuộc kháng chiến và quyết tâm chiến đấu để giành quyền độc lập dân tộc, góp phần thực hiện phương châm kháng chiến toàn dân, toàn diện. Kháng chiến bằng cả đội ngũ trí thức và nhân tài được đào tạo trong nền giáo dục cao đẳng và đại học dân tộc dân chủ nhân dân vừa mới được hình thành. Văn hoá của kháng chiến, tất yếu cũng có những đặc thù riêng, ngắn gọn, tinh giản, thiết thực; và hơn thế nữa, văn hoá thâm sâu vào chính trị, kinh tế, ngay cả hoạt động chính trị cũng mang giá trị văn hoá.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nền giáo dục mới đã được mở ra trong lịch sử nước nhà. Từ chỗ hơn 95% dân số không biết đọc biết viết, chỉ sau một năm số người biết chữ đã hơn 2 triệu người, 6 triệu người năm 1948 và 14 triệu năm 1952. Đến năm 1952, cũng đã có 9 tỉnh (Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình, Phúc Yên, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên), 80 huyện, 1424 xã thanh toán được nạn mù chữ [11]. Chương trình giáo dục phổ thông 9 năm với việc cải cách giáo dục căn bản cũng đã được thực hiện. Một nền giáo dục đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp trong kháng chiến được xây dựng. Nhưng đặc biệt nhất phải kháng định trong thời kỳ này chính là phong trào Bình dân học vụ. Hướng ứng các khẩu hiệu “Tham gia Bình dân học vụ là yêu nước”, “Giúp đỡ Bình dân học vụ là yêu nước”... nhân dân Việt Nam đã nô nức đi học. Bình dân học vụ theo tiếng gọi của Hồ Chí Minh.

Chị Nguyễn Thị Diệu, chiến sĩ thi đua toàn quốc, học viên Trường Phổ thông Lao động, đã

bày tỏ cảm xúc của mình: “Tôi nghĩ đến đời tôi và của chị em phụ nữ trước năm 1945, không được học, có mắt như mù, có tai như điếc. Bị bọn thực dân Pháp và bọn tư bản địa chủ áp bức bóc lột nên đời phụ nữ không bao giờ được đến nhà trường mà cứ đầu tắt mặt tối từ lúc gà gáy đến lúc tối lửa. Nếu không có Hồ Chủ tịch và Đảng thì không bao giờ tôi được mở mắt” [11]. Câu nói đó là cảm xúc từ đáy lòng của những người thất học, nạn nhân của chế độ thực dân, phong kiến. Đó cũng là sự ghi nhận mà không có tượng đồng, bia đá nào bằng, cho những nỗ lực của Hồ Chí Minh và Đảng, Chính phủ trong việc xây dựng một nền giáo dục mới ở Việt Nam.

Bên cạnh đó là mặt trận văn hoá nghệ thuật. Chỉ nói riêng đến sự chuyển mình của các nhà văn Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh cũng đã thấy ảnh hưởng lớn lao của Người đối với văn nghệ sĩ trong thời kỳ này. Nguyễn Huy Tưởng, trong *Nhật ký cuối năm 1947*, đã ghi lại những cảm xúc về Hồ Chí Minh: “và Hồ Chí Minh mà chúng tôi ví như Pierrele Grand, Hochimagne, nhưng hơn. Hơn cả những nhân vật lịch sử Việt Nam, vì có lòng yêu dân chúng. Cả nhân đã lớn lại thêm cái không khí xung quanh lớn, đến ngọn lửa cũng gọi hình ảnh Hồ Chí Minh. Sao chưa có kịch, tiểu thuyết tả người anh hùng ấy? Có khi không phải tả, nhưng nhân vật vẫn tươi lên đẹp để, lớn lao, và ở đâu cũng có mặt” [10].

“Đến ngọn lửa cũng gọi hình ảnh Hồ Chí Minh”, và con người đó “ở đâu cũng có mặt”. Có sự tôn vinh nào về ảnh hưởng của Hồ Chí Minh đến đời sống Việt Nam 1945-1954 chi tiết và xúc động đến vậy. Hình ảnh Hồ Chí Minh đan cài, chi phối đến mọi khía cạnh văn hóa và các nhà văn đã hướng về Người, với một sức cuốn hút không gì lay chuyển nổi. Người đã đem đến cho văn nghệ sĩ một niềm tin khiến cho họ yên tâm, phấn khởi đem hết tài năng và sức lực của mình cống hiến cho sự nghiệp văn hóa nghệ thuật, phục vụ cách mạng. Nhà thơ

Thế Lữ từng tâm sự: “Mẹ cha dưỡng dục ra mình. Bác tái sinh và dưỡng dục cho tôi làm người biết đường cách mạng, biết đất vịnh quang sự nghiệp và hạnh phúc bản thân trong công cuộc góp phần vào sự nghiệp cách mạng”; “Người đã biến tôi từ một nghệ sĩ lang thang trong chế độ cũ: “Tôi chỉ là người khách bộ hành phiêu lãng” thành một cán bộ văn nghệ, biết đem nghệ thuật của mình phục vụ cho công cuộc kháng chiến kiến quốc của toàn dân. Hồi ấy, tuy không được may mắn trực tiếp gặp Người, nhưng Người đã có ảnh hưởng quyết định đối với bước ngoặt cơ bản của đời tôi. Tôi đã nhìn thấy ở Người tất cả những gì tha thiết, thiêng liêng nhất trong cái lẽ sống làm người của tôi và tôi đã tự nguyện đi theo Người một cách đơn giản, tự nhiên như con đi theo mẹ” [12].

Những ý kiến của Hồ Chí Minh về văn hóa văn nghệ đã soi sáng con đường đi của các văn nghệ sĩ trong những năm kháng chiến. Hướng ứng lời kêu gọi của Người “văn hoá nghệ thuật là một mặt trận, anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”, các nhà văn, nhà thơ đã hòa mình vào cuộc đấu tranh chung của dân tộc. Ngay sau Đại hội văn hóa toàn quốc lần thứ nhất (12-1946), Nguyễn Tuân, Xuân Diệu cùng một số văn nghệ sĩ khác đã theo bộ đội Nam Tiến. Nhà thơ Văn Đài trở thành một chiến sĩ trong quân đội, chăm sóc thương binh, làm cấp dưỡng. Năm 1948, Chế Lan Viên tham gia chiến dịch Đường 9. Sau những ngày theo các đơn vị bộ đội đi mặt trận về hoàn thành tiểu thuyết *Xương tích* viết về chiến thắng Trung du năm 1951, Nguyễn Đình Thi đã vào hãn bộ đội để sáng tác. Ông làm chính trị viên phó tiểu đoàn và dự các chiến dịch Hòa Bình (1952), Thương Lào (1953) và Điện Biên Phủ (1954). Trần Đăng tiến hành liên tục những chuyến đi trong quảng đời văn ngắn ngủi của mình. Thời Hữu bán sắt từng bước chân, từng trận đánh của các đơn vị phía Bắc sông Đuống, Nguyễn Huy Tưởng theo từng bước di chuyển của bộ đội pháo binh. Tô

Hoài trong vai cán bộ quân chúng ở Việt Bắc, từ năm 1952 tiếp tục lên Tây Bắc v.v.. [13].

Các nhà văn, nhà thơ thực sự đã là những “chiến sĩ văn hóa”. Họ đã tham gia vào các đoàn quân kháng chiến, cũng phải cầm súng để chiến đấu và có những người đã hy sinh khi ở chiến trường như Nam Cao, Trần Đăng, Thời Hữu, Thâm Tâm, Nguyễn Đình Lạp v.v.. Họ cũng chiến đấu bằng ngòi bút, để truyền ngọn lửa cách mạng, khích lệ tinh thần đấu tranh của quân và dân. Có thể nói, kháng chiến đã tạo ra nguồn cảm xúc lớn cho các nhà văn. Họ giả từ thủ độ, giả từ thành phố ra đi, hòa “cái tôi” vào “cái ta” chung nhiều ý nghĩa.

Hồ Chí Minh cũng là người thấp lènh ngọn lửa xây dựng *Đời sống mới* ở Việt Nam, bao gồm *đạo đức mới*, *lối sống mới* và *nếp sống mới* v.v.. *Đạo đức mới* là đạo đức cách mạng, với các phẩm chất đạo đức cơ bản “Trung với nước, hiếu với dân”, “Yêu thương, quý trọng con người”, “Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư” v.v.. *Lối sống mới* là lối sống có lý tưởng, đạo đức, văn minh, tiên tiến, kết hợp truyền thống truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu những tiến bộ của thế giới. *Nếp sống mới* là kế thừa và phát triển những thuần phong mỹ tục, đồng thời phải biết cải tạo những phong tục tập quán cũ, lạc hậu, bỏ sung những cái mới, tiến bộ. Cái gì cũ mà xấu thì phải bỏ. Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý. Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm. Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm. Phong trào vận động xây dựng *Đời sống mới* thành công đã hỗ trợ tích cực cho việc xây dựng chế độ dân chủ cộng hoà trong tiến trình kháng chiến, góp phần vào thắng lợi cuối cùng cho cuộc kháng chiến chống Pháp ở Việt Nam 1945-1954.

Dĩ nhiên, hoạt động văn hoá, đặc biệt là lĩnh vực văn hoá nghệ thuật có những đặc thù riêng của sự sáng tạo. Vì vậy, quan điểm *mỗi trận văn hoá* cũng cần được nhìn nhận một cách sâu

sắc và nhuần nhị. Trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp 1945-1954, văn hoá đã tham gia tích cực vào sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của dân tộc, văn hoá phục vụ cho mục tiêu chính trị của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhưng không phải không có những lúc chúng ta đã quá cực đoan trong việc nhìn nhận tình giai cấp, tính Đảng của các tác phẩm văn học nghệ thuật và đã có những đánh giá chưa thoả đáng với một số văn nghệ sĩ. Bởi hoạt động văn hoá, ngoài tính giai cấp, tính Đảng, thì còn có tính dân tộc, nhân loại, vượt ra khỏi mọi phạm vi giới hạn về không gian và thời gian. Người nghệ sĩ sáng tạo ra các tác phẩm, không chỉ mong muốn đưa con tinh thần của mình phục vụ cho một thời kỳ, một giai đoạn nhất định mà còn có khát vọng để lại nó cho muôn đời. Nếu không nhìn nhận quan điểm Hồ Chí Minh về mặt trận văn hoá một cách sâu sắc, chỉ nhấn mạnh về sự đấu tranh, về mục tiêu chính trị của văn hoá, mà không thấy được giá trị của sự sáng tạo thì sẽ khó tránh khỏi những hạn chế, sai lầm.

Tóm lại, hơn nửa thế kỷ trôi qua nhưng những tư tưởng chỉ đạo của Hồ Chí Minh về mặt trận văn hoá trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp vẫn còn có ý nghĩa với hôm nay. Bởi văn hoá tư tưởng là mặt trận chưa bao giờ kết thúc. Cuộc chiến này không dùng khoi súng, không vũ lực, nhưng có thể giết chết cả những con người từng là anh hùng trong chiến tranh. Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra những nguy cơ mà chúng ta đang đối mặt: từ lâu xa hơn về kinh tế, chênh hướng xã hội chủ nghĩa; tham ô, tham nhũng và diễn biến hòa bình. Bất cứ nguy cơ nào ở trên cũng có thể liên quan đến mặt trận văn hóa, đến vai trò và sứ mạng của nó. Hồ Chí Minh từng mong mỏi “Văn hóa phải vào sâu trong tâm lý quốc dân, sửa đổi tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ”, “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi” v.v.. Vậy trong bối cảnh hiện nay, phải phát huy vai trò văn hóa như thế nào để đấu tranh chống lại

những luận điệu xuyên tạc và chống phá của các thế lực thù địch bên ngoài, khi kẻ thù cũng chưa bao giờ lơ lửng mặt trận văn hóa tư tưởng? Nhưng khó khăn hơn nữa, là đấu tranh chống lại chính những thói tật trong nội bộ của chúng ta, chống tham ô, tham nhũng, lãng phí, quan liêu; chống chủ nghĩa cá nhân; chống chuyên quyền, độc đoán và trì trệ v.v.. Có lẽ đó vẫn là một bài toán chưa có lời kết thúc. Và chúng ta quay trở lại với những quan điểm của Hồ Chí Minh về mặt trận văn hóa, để làm sao khích lệ tinh thần chiến sĩ của những người hoạt động văn hóa, những người dám đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, để bảo vệ cái tốt, cái thiện; cổ vũ họ, tin tưởng và tạo cho họ những cơ chế để làm việc như Hồ Chí Minh đã trong dụng trí thức và hiền tài một thời. Chúng ta phải thấy được, văn hóa ảnh hưởng một cách mạnh mẽ đến đời sống quốc dân, đến tâm lý và tình cảm của họ, nên phải tạo điều kiện cho văn hóa được phát triển, và định hướng văn hóa phục vụ đông đảo quần chúng nhân dân, lấy lợi ích của dân tộc và nhân dân làm nền tảng. Văn hóa hiện nay cũng phải giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu giá trị văn hóa nhân loại để làm nên một nền văn hóa tiên tiến, dân tộc, hiện đại và nhân văn. Và học tập, vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh vào bối cảnh hiện nay, cũng là một cách chúng ta làm giàu nên văn hóa dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trường Chính, *Về văn hoá và nghệ thuật*, tập 1, NXB Văn học, Hà Nội, 1985, tr.124.
- [2] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 431.
- [3] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 271.
- [4] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 368.
- [5] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 190.

- [6] Song Thành, "Những quan điểm lớn của Hồ Chí Minh về văn hoá-văn nghệ", *Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, 2004, tr. 150-151.
- [7] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 220.
- [8] Mao Trạch Đông, *Bàn về văn nghệ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1955.
- [9] Quang Đàm, Phương Lưu, Trương Lưu & mk, *Chủ nghĩa Mao và văn hoá-văn nghệ Trung Quốc*, Viện Văn hoá - Bộ Văn hóa, 1983, tr.92.
- [10] Viện Văn học, *Cách mạng-kháng chiến và đời sống văn học 1945-1954*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995, 214.
- [11] Nguyễn Văn Huyền, *Toàn tập, Văn hoá và giáo dục Việt Nam*, tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr. 1079.
- [12] *Bác Hồ với văn nghệ sĩ* (Hồi ký), NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1980, tr. 120-121.
- [13] Mã Giang Lân, *Văn học Việt Nam 1945-1954*, NXB Giáo dục, 2003, tr. 78-80.

Ho Chi Minh's viewpoints on culture front in the 1945-1954 period

Nguyen Thi Thuy Hang

*College of Social Sciences and Humanities, VNU
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

Ho Chi Minh's viewpoints on culture front had influenced deeply on building up the Vietnamese culture life in the 1945-1954 period. In the cause of *Resistance of War and National Reconstruction* carried out by a governmentally newly-seized to defense its young revolutionary government, the whole nation implemented the motto of "Resistance of culture, cultural of resistance" made by Ho Chi Minh.

In this writing, I would like to make clear Ho Chi Minh's views including culture is a front and culture activists serve as soldiers on the front; culture serves politics, resistance and revolution, and at the same time, point out theoretical and practical values of Ho Chi Minh's points of view on culture front to the Vietnamese culture life in the 1945-1954 period. Ho Chi Minh's thought is the basis for Communist Party of Vietnam's culture line and Vietnamese culture serves resistance war under the light of his thought (survey some aspects: education, literature and new life).